

GIẢI LESSON 2 UNIT 14 SGK TIẾNG ANH 3

Bài 1. Look, listen and repeat. (*Nhìn, nghe và lặp lại*).

Bài nghe:

a) How many chairs are there?

Let's count them. One, two, three,... There are eight.

b) And how many cups are there?

There are six.

Hướng dẫn dịch:

a) Có bao nhiêu cái ghế ở đó?

Chúng ta cùng đếm xem. Một hai, ba,... Có 8 cái.

b) Và có bao nhiêu cái tách trà ở đó?

Có 6 cái.

Bài 2. Point and say. (*Chỉ và nói*).

Bài nghe:

a) How many fans are there?

There are two.

b) How many mirrors are there?

There are three.

c) How many doors are there?

There are five.

d) How many windows are there?

There are four.

Hướng dẫn dịch:

a) Có bao nhiêu cái quạt trần?

Có 2 cái quạt trần.

b) Có bao nhiêu cái gương?

Có 3 cái gương.

c) Có bao nhiêu cánh cửa?

Có 5 cánh cửa.

d) Có bao nhiêu cửa sổ?

Có 4 cửa sổ.

Bài 3. Let's talk. (Chúng ta cùng nói).

How many windows are there in the bed?

There is one window in the bed.

How many windows are there in the dining room?

There are two windows in the dining room.

How many chairs are there in the dining room?

There are four chairs in the dining room.

How many pictures are there in the living room?

There are two pictures in the living room.

How many pictures are there in the bedroom?

There are two pictures in the bedroom.

Hướng dẫn dịch:

Có bao nhiêu cửa sổ trong phòng ngủ? - Có 1 cửa sổ trong phòng ngủ.

Có bao nhiêu cửa sổ trong phòng ăn? - Có 2 cửa sổ trong phòng ăn.

Có bao nhiêu cái ghế trong phòng ăn? - Có 4 cái ghế trong phòng ăn.

Có bao nhiêu bức tranh trong phòng khách? - Có 2 bức tranh trong phòng khách.

Có bao nhiêu bức tranh trong phòng ngủ? - Có 2 bức tranh trong phòng ngủ.

Bài 4. Listen and number. (*Nghe và đánh số*).

Bài nghe:

1. bed
2. desk
3. two chairs
4. TV

Bài nghe:

This is my bedroom. There's a bed in the room. There's a desk. There are two chairs. There's also a TV on the desk, but there aren't any wardrobes in my bedroom.

Hướng dẫn dịch:

Đây là phòng ngủ của mình. Có một cái giường trong phòng. Có một cái bàn. Có hai cái ghế. Cũng có một cái tivi trên bàn, nhưng không có tủ quần áo nào trong phòng của mình cả.

Bài 5. Read and write. (*Đọc và viết*).

1. There is one door.
2. There are two windows.
3. There are eight chairs.
4. There are four pictures.
5. There are two fans.

Hướng dẫn dịch:

Đây là phòng khách của mình. Có rất nhiều đồ đạc trong phòng. Có hai cái cửa sổ và một cái cửa ra vào. Có một ghế xô-pha, một cái bàn và 8 cái ghế. Có một đèn ngủ trên bàn và một tivi trên tủ. Có 4 bức tranh và 2 cái quạt trên tường.

Bài 6. Let's play. (*Nghe và lặp lại*).

Hướng dẫn dịch:

Chúng ta hãy nhìn hai bức tranh a) và b), hãy tìm những điểm khác nhau của chúng.

Gợi ý:

Những quyển sách (the books) trong bức tranh a) nằm trên bàn (are on the desk), còn ở bức tranh b) nó nằm trên ghế (are on the chair).

Đèn ngủ (the lamp) trong bức tranh a) không có, còn ở bức tranh b) nó nằm trên tủ (is on the cupboard).

Những cái ghế (two chairs) trong bức tranh a) thì ở sau cái bàn (are behind the table), còn ở bức tranh b) thì chúng nằm gần cửa ra vào (are near the door).